

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2018/LĐ-ST.

Ngày: 30-11-2018.

V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội,  
bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp  
và tiền lương.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Giang – Cán bộ hưu trí.

2. Ông Mai Ngọc Thuận – Phó trưởng Liên đoàn lao động quận Bình Tân.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2018/TLST-LĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2018, về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 475/2018/QĐXXST-LĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2018/QĐST-LĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim L; Sinh năm: 1968; Hộ khẩu thường trú: Ấp TL, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: 147/2/3 LDC, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị La; Sinh năm: 1978; Hộ khẩu thường trú: 107/16 NNT, P 2, Q 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Công ty TNHH S; Trụ sở: 95 LDC, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn – Bà Phan Thị Kim L trình bày tại đơn khởi kiện và Bà Phan Thị La là người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày tại bản tự khai, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại các biên bản hòa giải như sau:*

Bà Phan Thị Kim L là người lao động làm việc tại Công ty TNHH S từ ngày 23/3/2003 đến tháng 03/2018, Công ty TNHH S đã ngừng hoạt động vì người sử dụng lao động không có mặt tại doanh nghiệp. Công ty TNHH S còn nợ tiền lương và chưa đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà L từ tháng 12 năm 2012. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho bà L, bà L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S phải thực hiện: Truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà L từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 3 năm 2018 số tiền là 88.771.185 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 67.414.678 đồng và tiền lãi truy thu là 21.356.507 đồng. Yêu cầu Công ty TNHH S phải thanh toán tiền lương cho bà L như sau: Lương tháng 02 năm 2018 và 26 ngày làm việc trong tháng 3 năm 2018 tổng cộng là 7.352.000 đồng. Ngày 08/10/2018 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Công ty TNHH S đóng tiền lãi truy thu nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 21.356.507 đồng.

*Bị đơn là Công ty TNHH S:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập Công ty TNHH S đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng Công ty TNHH S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương trực tiếp đến trụ sở của Công ty TNHH S để thực hiện việc tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng Công ty TNHH S đã đóng cửa, ngưng hoạt động nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn – Bà Phan Thị Kim L có Bà Phan Thị La là đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn – Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tuy nhiên về thời hạn xét xử chưa được đảm bảo theo các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 21.356.507 đồng tiền lãi của việc truy thu đóng bảo hiểm xã hội và chấp nhận toàn bộ các yêu cầu còn lại của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn - Bà Phan Thị Kim L với bị đơn - Công ty TNHH S là tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH S có trụ sở tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa đăng ký giải thể nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Xét theo lời trình bày của nguyên đơn Bà Phan Thị Kim L thì Công ty TNHH S đã ngừng sản xuất và hoạt động vào khoảng cuối tháng 03 năm 2018, vì vậy tháng 4 năm 2018 bà đã có đơn yêu cầu hòa giải tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội quận Bình Tân và tháng 06 năm 2018 bà L chính thức khởi kiện ra Tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012, đơn của bà Loan còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về điều kiện khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện có tranh chấp về tiền lương nên đây là tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động ngày 03/4/2018 tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân thì nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Đối với bị đơn Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập Công ty TNHH S đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng Công ty TNHH S vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu

khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về việc tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 21.356.507 đồng tiền lãi của việc truy thu đóng bảo hiểm xã hội, Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà L từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 3 năm 2018 số tiền là 67.414.678 đồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn – Bà Phan Thị Kim L thì bà L vào làm việc tại Công ty TNHH S từ ngày 23/3/2003 đến ngày 03/2018 thì nghỉ việc do công ty không còn hoạt động. Quá trình làm việc tại công ty, công ty đã đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà L từ tháng 12/2012 đến tháng 3/2018 và hàng tháng Công ty TNHH S trích lương để nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà L. Tuy nhiên Công ty TNHH S không thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho bà L. Căn cứ vào hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH S với Bà Phan Thị Kim L có cơ sở xác định bà L là người lao động làm việc tại Công ty TNHH S. Căn cứ công văn số 143/CV-BHXXH, ngày 10/7/2018 của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân và bảng tính số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân và sổ bảo hiểm xã hội số 7913067786 xác định rằng Bà Phan Thị Kim L có tham gia bảo hiểm xã hội khi làm việc tại Công ty TNHH S. Tuy nhiên Công ty TNHH S chưa trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà L từ tháng 12/2012 đến tháng 03/2018, số tiền Công ty TNHH S phải đóng cho bà L là 67.414.678 đồng. Theo bà L thì số tiền này đã được công ty trích hàng tháng để đóng bảo hiểm cho bà nhưng chưa nộp vào quỹ bảo hiểm làm thiệt hại quyền lợi của bà L. Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì trách nhiệm của người sử dụng lao động là “*Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 Luật bảo hiểm xã hội và hàng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật bảo hiểm xã hội để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội*”. Do đó, có cơ sở xác định công ty đã trích tiền lương của người lao động để đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2012 đến tháng 03/2018 số tiền là 67.414.678 đồng nhưng đã không nộp vào Bảo hiểm xã hội số tiền này, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động, vi phạm trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Ngay sau khi Công ty TNHH S nộp đủ số tiền nói trên vào Quỹ bảo hiểm xã hội thì Bà Phan Thị Kim L có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà L.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương số tiền là 7.352.000 đồng, bao gồm: Lương tháng 02 năm 2018 và 26 ngày làm việc trong tháng 3 năm 2018. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai của người lao động và căn cứ vào bảng lương do Công ty TNHH S lập thì Công ty TNHH S còn nợ lương của bà L số tiền là 7.352.000 đồng. Đối với số tiền này, mặc dù nguyên đơn không chứng minh được bảng lương có xác nhận hợp pháp từ phía Công ty TNHH S. Tuy nhiên căn cứ vào công văn xác minh do Bảo hiểm xã hội trả lời xác minh tại bút lục số 44, 45 thì bà L có quá trình làm việc liên tục cho đến lúc Công ty TNHH S ngừng hoạt động, bao gồm cả tháng 02 và 3/2018. Tại bảng tính tổng lương tháng 02 và 3/2018 của Công ty TNHH S do công ty lập và có bà Trần Thị Thu thuộc bộ phận nhân sự của Công ty TNHH S xác nhận số tiền lương chưa thanh toán cho bà L là 7.352.000 đồng. Phía bị đơn - Công ty TNHH S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này cho thấy Công ty TNHH S đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 21.356.507 đồng tiền lãi của việc truy thu đóng bảo hiểm xã hội, Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nói trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc hồ sơ vi phạm thời hạn xét xử, do hồ sơ có thu thập chứng cứ nên thời gian giải quyết vụ án kéo dài, vì vậy đã vi phạm thời hạn xét xử.

Án phí lao động sơ thẩm là 2.243.000 (Hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, Công ty TNHH S phải nộp. Bà Phan Thị Kim L không phải nộp án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, Điều 96, khoản 1 Điều 201 và khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 15, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 86 và Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phan Thị Kim L.

2. Buộc Công ty TNHH S phải nộp vào quỹ Bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho Bà Phan Thị Kim L từ tháng 12/2012 đến hết tháng 3/2018 số tiền là 67.414.678 đồng.

Sau khi Công ty TNHH S nộp đủ số tiền nói trên vào quỹ Bảo hiểm xã hội thì Bà Phan Thị Kim L có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà L.

3. Buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Bà Phan Thị Kim L tiền lương tháng 02/2018 và tiền lương 26 ngày làm việc trong tháng 3/2018, tổng cộng là 7.352.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi (Đối với tiền lương thì lãi suất được tính theo mức lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất, thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại, nơi bị đơn mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương; Đối với tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì lãi suất được tính theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội; Đối với nợ bảo hiểm y tế thì lãi suất được tính theo mức lãi suất thị trường liên ngân hàng).

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim L về việc yêu cầu Công ty TNHH S phải trả tiền lãi số tiền là 21.356.507 đồng cho Bảo hiểm xã hội.

5. Án phí lao động sơ thẩm là 2.243.000 (Hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, Công ty TNHH S phải nộp. Bà Phan Thị Kim L không phải nộp án phí.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt

tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND cùng cấp;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Lệ Hoa**